

Số: **2831**/QĐ-UBND

Yên Bái, ngày **31** tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng
tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 18/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050;

Căn cứ Văn bản số 4516/BXD-VLXD ngày 17/09/2020 của Bộ Xây dựng về việc triển khai thực hiện Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050;

Căn cứ Văn bản số 1361/BXD-VLXD ngày 26/04/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng tại các địa phương;

Căn cứ Chương trình hành động số 13/CTr-UBND ngày 28/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc thực hiện Nghị Quyết số 50-NQ/TU ngày 19/7/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường năng lực lãnh đạo của Đảng trong công tác quản lý tài nguyên đất đai, nước, khoáng sản trên địa bàn tỉnh Yên Bái, giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2751/TTr-SXD ngày 21/11/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050.

(Có Kế hoạch chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Yên Bái đảm bảo phát huy hiệu quả và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giao thông vận tải, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *pv*

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Trung tâm điều hành thông minh;
- Phó CVP.UBND tỉnh (KT);
- Lưu: VT, XD. *pv*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Huy Tuấn

Yên Bái, ngày 31 tháng 12 năm 2022

**KẾ HOẠCH
PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU XÂY DỰNG TỈNH YÊN BÁI
THỜI KỲ 2021-2030, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2050**

*(Kèm theo Quyết định số 2831/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)*

I. QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm chỉ đạo

- Phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 2050 phải phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Yên Bái; Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050.

- Phát triển vật liệu xây dựng phải đảm bảo tính bền vững, gắn hiệu quả kinh tế với hiệu quả xã hội, bảo vệ tốt nguồn tài nguyên thiên nhiên, môi trường sinh thái; không ảnh hưởng tới khu vực an ninh, quốc phòng, di tích lịch sử, văn hóa, du lịch, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng tự nhiên; không tác động tiêu cực tới môi trường, đời sống sinh hoạt của dân cư và không chồng chéo với các kế hoạch, quy hoạch khác.

- Tập trung đầu tư và phát triển các sản phẩm có thế mạnh của tỉnh, sản xuất vật liệu xây dựng có nguồn nguyên liệu tại chỗ như gạch không nung, cát sỏi, đá, bê tông, cát nghiền từ mỏ vật liệu có sẵn, đá xây dựng, đá ốp lát. Nghiên cứu tính khả thi, phát triển sản xuất, các sản phẩm vật liệu xây dựng mà hiện tại trên địa bàn tỉnh Yên Bái chưa có, nhằm đáp ứng nhu cầu xây dựng của tỉnh và cung ứng cho thị trường lân cận.

- Phát triển sản xuất với quy mô hợp lý, công nghệ sản xuất tiên tiến. hiện đại, khuyến khích phát triển các công nghệ sạch, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, ít sử dụng nguồn tài nguyên; kiên quyết không cấp phép, mở rộng, gia hạn hoạt động đối với những dự án sử dụng công nghệ lạc hậu và có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

- Tổ chức sắp xếp lại, đầu tư phát triển các cơ sở khai thác, sản xuất nhỏ lẻ; tạo điều kiện cho các cơ sở chuyển đổi công nghệ, đầu tư thiết bị tiên tiến, hiện đại.

- Duy trì hoạt động các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng đã được cấp phép; tiếp tục triển khai các dự án đã có dự kiến đầu tư đến năm 2025, định

hướng đến năm 2030; dự án đã được cấp giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường.

- Tiếp tục thực hiện chủ trương cấp giấy phép hoạt động khoáng sản thông qua hình thức đấu giá quyền khai thác khoáng sản; khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh được thực hiện theo quy định hiện hành.

- Nghiên cứu, ứng dụng, sử dụng tối đa nguồn đất, đá thải mỏ, chất thải công nghiệp, chất thải xây dựng làm vật liệu xây dựng, vật liệu san lấp, giảm áp lực lên các bãi thải mỏ.

- Kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050 là một trong số các cơ sở để các cơ quan quản lý chuyên ngành thực hiện công tác tham mưu, phê duyệt chủ trương đầu tư và cấp giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, đồng thời để Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ thực hiện việc rà soát và đưa vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; các nhà đầu tư căn cứ chuẩn bị xây dựng các kế hoạch phát triển sản xuất vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh.

2. Định hướng phát triển

- Phát triển ngành vật liệu xây dựng của tỉnh bảo đảm bền vững, hài hòa lợi ích kinh tế, xã hội và môi trường; nâng cao năng lực sản xuất của các doanh nghiệp.

- Thúc đẩy, chuyển đổi công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng theo hướng hiện đại, sử dụng tiết kiệm nguyên liệu, năng lượng, thân thiện với môi trường, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên; khuyến khích phát triển sản xuất và sử dụng vật liệu xây dựng mới, có tính năng cao.

- Đa dạng hóa các chủng loại sản phẩm vật liệu xây dựng chủ lực của tỉnh nhằm đáp ứng cơ bản nhu cầu thị trường trong tỉnh và các tỉnh lân cận. Chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm bảo đảm các yêu cầu của quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành phù hợp với từng mục đích sử dụng.

3. Mục tiêu phát triển

3.1. Mục tiêu tổng quát

- Đáp ứng nhu cầu sử dụng vật liệu xây dựng để phục vụ xây dựng các công trình trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

- Phát triển ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng của tỉnh có năng lực cạnh tranh trong vùng, đảm bảo hài hòa các lợi ích kinh tế, xã hội và môi trường; đa dạng hóa các chủng loại sản phẩm giá trị cao, các loại vật liệu xây dựng cho công trình hạ tầng kỹ thuật, giao thông và năng lượng.

- Phân phối thị trường ngoài tỉnh và xuất khẩu đạt giá trị cao đối với các loại vật liệu xây dựng có thể mạnh như đá hoa trắng làm ốp lát tự nhiên, đá meta carbonat...

- Phát triển ngành vật liệu xây dựng của tỉnh với công nghệ sản xuất đạt trình độ tiên tiến, hiện đại, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm, đa dạng nguyên liệu, nhiên liệu; sử dụng, tận dụng các loại chất thải để sản xuất vật liệu xây dựng.

- Định hướng đến năm 2050 ngành sản xuất vật liệu xây dựng của tỉnh được tự động hóa hoàn toàn trong quá trình sản xuất và trở thành ngành công nghiệp xanh.

3.2. Mục tiêu cụ thể

a) Về đầu tư

- Ưu tiên đối với các nhà đầu tư mới các dự án sản xuất vật liệu xây dựng ở các khu vực có tiềm năng lớn, có điều kiện thuận lợi về nguyên liệu, phát triển công nghiệp, hạ tầng giao thông; các dự án đầu tư mở rộng sản xuất tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp sản xuất tập trung.

- Các dự án tiềm năng sẽ được triển khai thực hiện khi đáp ứng đầy đủ tiêu chí về vốn, công nghệ, nguyên liệu, nhiên liệu, năng lượng, bảo vệ môi trường và tình hình thị trường, cân đối cung - cầu.

- Ưu tiên các nhà đầu tư có các dây chuyền công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng công suất lớn, hiện đại nhằm nâng cao sản lượng, chất lượng sản phẩm; phối hợp sản xuất các sản phẩm đi kèm; liên kết với các dây chuyền sản xuất vật liệu xây dựng khác có liên quan.

- Sắp xếp lại các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng theo hướng tập trung vào các khu, cụm công nghiệp. Nâng cấp, hiện đại hoá, chuyển đổi công nghệ đối với các cơ sở sản xuất có công suất nhỏ, tiêu tốn nguyên, nhiên liệu, hiệu quả kinh tế thấp, không đảm bảo môi trường; không gia hạn giấy phép khai thác nguyên liệu, thời gian thuê đất hoặc quyết định có lộ trình dừng sản xuất đối với các cơ sở sản xuất quy mô nhỏ, công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường, không đầu tư đổi mới công nghệ theo qui định.

b) Về công nghệ

- Sử dụng dây chuyền công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng hiện đại, tiên tiến, đồng bộ, mức độ cơ giới hóa, tự động hoá cao vào sản xuất, tiết kiệm tối đa nguyên liệu, nhiên liệu và năng lượng, giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Kết hợp công nghệ, liên kết các dây chuyền trong sản xuất vật liệu xây dựng.

- Áp dụng công nghệ mới để sản xuất các chủng loại vật liệu xây dựng có tính năng cao, thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Nâng cao tỷ lệ nội địa hóa trong chế tạo các thiết bị, phụ tùng thay thế trong dây chuyền công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng.

c) Về sử dụng tài nguyên

- Khai thác, chế biến các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng theo các giấy phép được cấp và tuân thủ các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, nhiên liệu và năng lượng; sử dụng các loại phế thải công nghiệp, xây dựng, giao thông trong quá trình sản xuất một số sản phẩm vật liệu xây dựng và sử dụng làm vật liệu san lấp.

d) Về bảo vệ môi trường

- Các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo vệ môi trường.

- Các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng có mỏ khoáng sản phải tiến hành cải tạo phục hồi môi trường trước khi đóng cửa mỏ và bàn giao cho địa phương quản lý theo quy định của pháp luật có liên quan.

- Các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng có lượng phát thải lớn theo quy định phải có hệ thống thiết bị quan trắc tự động kết nối trực tuyến với cơ quan quản lý môi trường tại địa phương.

- Hạn chế đầu tư sản xuất vật liệu xây dựng gần các khu đô thị, khu du lịch, các danh lam thắng cảnh cấp tỉnh, cấp quốc gia.

đ) Về phát triển sản phẩm

- Các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng cần đa dạng hóa các chủng loại, mẫu mã sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Chất lượng sản phẩm bảo đảm các yêu cầu của quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành đối với từng mục đích sử dụng.

- Khuyến khích sử dụng các sản phẩm vật liệu xây dựng tận dụng nguyên liệu, tái sử dụng sản phẩm thải bỏ trong công nghiệp, xây dựng, giao thông để sản xuất vật liệu xây dựng.

II. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU XÂY DỰNG THỜI KỲ 2021-2030, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2050 TỈNH YÊN BÁI

Xuất phát từ tiềm năng khoáng sản làm vật liệu xây dựng, tập quán sử dụng vật liệu xây dựng của nhân dân và nhu cầu thị trường vật liệu xây dựng trong và ngoài tỉnh, Kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050 của một số chủng loại vật liệu xây dựng như sau:

1. Xi măng

1.1. Kế hoạch cụ thể cho thời kỳ 2021-2030

a) Về đầu tư

Duy trì công suất thiết kế của 02 Nhà máy xi măng hiện có; tăng cường đầu tư công nghệ, thực hiện tốt các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường tại các nhà máy xi măng theo quy định.

Xem xét mời gọi đầu tư mới Nhà máy xi măng tại huyện Lục Yên, công suất 01 triệu tấn/năm, nâng sản lượng xi măng-clinker toàn tỉnh lên khoảng 3,0 triệu tấn/năm.

b) Về công nghệ

- Sử dụng công nghệ tiên tiến với mức tự động hóa cao, ứng dụng công nghệ thông tin vào sản xuất để đạt được các chỉ tiêu kỹ thuật hiện hành.

- Đến năm 2030 sử dụng tối thiểu 30% tro bay nhiệt điện hoặc chất thải công nghiệp khác làm nguyên liệu thay thế trong sản xuất clinker và làm phụ gia trong sản xuất xi măng.

- Sử dụng nhiên liệu thay thế lên đến 15% tổng nhiên liệu dùng để sản xuất clinker xi măng.

c) Về khai thác và sử dụng tài nguyên

Khai thác sử dụng tiết kiệm khoáng sản. Sử dụng tối đa các chất thải, phế thải của các ngành công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng và chất thải sinh hoạt làm nguyên liệu, nhiên liệu, phụ gia cho quá trình sản xuất xi măng.

d) Về bảo vệ môi trường

Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường; tăng cường chuyển đổi lọc bụi tĩnh điện sang lọc bụi túi vải; các cơ sở sản xuất xi măng phải có thiết bị giám sát nồng độ bụi tự động tại nguồn thải và kết nối trực tuyến với cơ quan quản lý môi trường tại địa phương.

đ) Về sản phẩm

Nâng cao chất lượng sản phẩm xi măng; đa dạng hóa các chủng loại sản phẩm xi măng chất lượng cao, có giá trị kinh tế cao, đáp ứng nhu cầu xây dựng; chú trọng phát triển sản xuất xi măng mác cao, xi măng bền trong môi trường xâm thực.

1.2. Định hướng giai đoạn 2031-2050

- Tỷ lệ sử dụng clinker trong sản xuất xi măng trung bình tối đa ở mức 60%; phụ gia cho xi măng sử dụng tối thiểu 40%.

- Công nghệ sản xuất có mức độ tự động hoá cao, ứng dụng triệt để công nghệ thông tin vào các hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh để đạt các chỉ tiêu kỹ thuật.

- Tất cả các nhà máy xi măng trong tỉnh phải sử dụng tro bay nhiệt điện hoặc chất thải công nghiệp khác cùng với nguyên liệu đất sét trong sản xuất clinker.

- Sử dụng nhiên liệu thay thế lên đến 30% tổng nhiên liệu dùng để sản xuất clinker xi măng bằng việc xử lý, sử dụng rác thải sinh hoạt và thải phẩm nông nghiệp, công nghiệp.

- 100% các doanh nghiệp sản xuất xi măng áp dụng các hệ thống quản lý sức khỏe, an toàn nghề nghiệp và năng lượng.

- Hạn chế xuất khẩu, tỷ lệ xuất khẩu clinker và xi măng không vượt quá 20% tổng công suất thiết kế.

2. Vật liệu xây dựng (gạch xây dựng)

2.1. Gạch đất sét nung

2.1.1. Kế hoạch cụ thể cho thời kỳ 2021-2030

a) Về đầu tư

- Duy trì, đầu tư mở rộng, nâng cao công suất và chất lượng sản phẩm của các Nhà máy đang hiện hữu.

- Tiếp tục đầu tư mới một số dây chuyền sản xuất gạch đất sét nung với công suất mỗi dây chuyền từ 10 triệu viên/năm trở lên, ưu tiên tại các địa phương chưa có cơ sở sản xuất gạch đất sét nung và phải đảm bảo có vùng nguyên liệu trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng tài nguyên của tỉnh để đủ nguồn cung cho nhu cầu sử dụng gạch đất sét nung của tỉnh.

- Khuyến khích sử dụng gạch xây không nung (gạch bê tông) đối với các công trình vốn khác.

- Các cơ sở sản xuất đang sử dụng công nghệ lạc hậu, thiết bị cũ tiêu tốn nguyên liệu, nhiên liệu và năng lượng phải đầu tư cải tạo, chuyển đổi thành các cơ sở sản xuất có công nghệ tiên tiến, hiện đại có mức độ cơ giới hóa, tự động hóa cao, công suất phù hợp nhằm tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu, năng lượng đáp ứng các chỉ tiêu về công nghệ và môi trường hoặc buộc phải dừng sản xuất.

b) Về công nghệ sản xuất

- Tăng cường áp dụng khoa học, kỹ thuật, cải tiến công nghệ, cơ giới hóa để nâng cao chất lượng sản phẩm. Có trên 30% số lượng nhà máy ứng dụng tự động hóa vào trong dây chuyền sản xuất.

- Cải tiến công nghệ, giảm tiêu hao nguyên, nhiên liệu, tiết kiệm tài nguyên. Khuyến khích công nghệ sử dụng nhiên liệu thay thế.

- Các chỉ tiêu tiêu hao năng lượng: Tiêu hao nhiệt năng ≤ 360 kcal/kg sản phẩm; Tiêu hao điện năng $\leq 0,022$ kWh/kg sản phẩm.

- Tiết kiệm tối đa tài nguyên thiên nhiên. Sử dụng tối đa các nguồn phế thải các ngành công nghiệp khác để thay thế tối thiểu 50% nguyên, nhiên liệu thiên nhiên trong sản xuất gạch đất sét nung.

c) Về khai thác và sử dụng tài nguyên

Chỉ sử dụng đất sét mỏ, đất đồi làm nguyên liệu sản xuất gạch đất sét nung; 100% các cơ sở sản xuất gạch có vùng nguyên liệu trong phương án, kế hoạch sử dụng tài nguyên của tỉnh đã được phê duyệt; đẩy mạnh nghiên cứu và sử dụng các chất thải (tro xỉ nhà máy hóa chất, phân bón, đá thải khai thác khoáng sản,...) làm nguyên liệu, nhiên liệu thay thế nguồn nguyên liệu truyền thống.

d) Về bảo vệ môi trường: Các cơ sở sản xuất có hệ thống xử lý chất thải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo vệ môi trường; phải có thiết bị giám sát khí thải và kết nối trực tuyến các thiết bị này với cơ quan quản lý môi trường của địa phương theo quy định.

đ) Về sản phẩm: Tăng cường sản xuất các sản phẩm gạch đất sét nung rỗng, mỏng, nhẹ, gạch trang trí, gạch kích thước lớn, gạch không trát...

2.1.2. Định hướng giai đoạn 2031-2050

- Duy trì năng lực sản xuất đáp ứng nhu cầu nội tỉnh. Tỷ lệ gạch đất sét nung còn khoảng 30% - 40% trong tổng sản lượng vật liệu xây của tỉnh. Tỷ lệ sản phẩm gạch nung trang trí, mỏng, rỗng... giá trị gia tăng cao chiếm trên 80%.

- Sử dụng tối đa nguyên liệu thay thế trong sản xuất gạch đất sét nung là đất đồi, đất thải khai thác khoáng sản và các nguyên liệu thay thế khác.

- Giảm mức tiêu hao nhiệt, mức phát thải CO₂ từ 20% đến 30% so với mức trung bình hiện nay.

2.2. Gạch xây không nung

2.2.1. Kế hoạch cụ thể cho giai đoạn 2021-2030

a) Về đầu tư

- Tiếp tục duy trì công suất và chất lượng sản phẩm của các cơ sở sản xuất gạch bê tông hiện có.

- Khuyến khích sản xuất gạch bê tông nhẹ, các loại gạch có kích cỡ lớn. Nghiên cứu sử dụng tro, xỉ từ các nhà máy công nghiệp, đá thải mỏ trên địa bàn làm nguyên liệu sản xuất; các sản phẩm nhẹ; các sản phẩm đáp ứng các yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngành xây dựng.

- Phát triển đầu tư sản xuất vật liệu xây không nung (VLXKN), sản lượng sản xuất VLXKN chiếm tỷ trọng so với tổng lượng gạch xây khoảng 40-45% vào năm 2030; đảm bảo tỷ lệ sử dụng VLXKN trong các công trình xây dựng theo quy định.

b) Về công nghệ sản xuất, nguyên liệu

Sử dụng công nghệ, dây chuyền thiết bị tiên tiến, hiện đại cơ giới hóa, tự động hóa. Phân đầu trên 50% nhà máy ứng dụng tự động hóa trong dây chuyền sản xuất.

c) Về khai thác và sử dụng tài nguyên

Sử dụng tối đa các loại chất thải của các ngành công nghiệp (tro, xỉ than, nhựa tái chế,...) làm nguyên liệu để sản xuất vật liệu xây dựng, tiết kiệm tài nguyên khoáng sản.

d) Về bảo vệ môi trường

Các cơ sở sản xuất có hệ thống xử lý chất thải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo vệ môi trường.

đ) Về sản phẩm

Đa dạng hóa các sản phẩm gạch không nung rộng, kích thước lớn, cầu kiện, tấm tường; vật liệu không nung nhẹ, tính năng cao, phù hợp với nguyên vật liệu, nhu cầu thị trường nhằm giảm thời gian thi công, hạ giá thành xây dựng, giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong quá trình xây dựng.

2.2.2. Định hướng giai đoạn 2031-2050

Sử dụng tối đa các chất thải công nghiệp, giao thông, xây dựng để sản xuất VLXKN.

3. Đá xây dựng

3.1. Kế hoạch cụ thể cho giai đoạn 2021-2030

a) Về đầu tư

- Các đơn vị khai thác đá phải đảm bảo công suất thiết kế theo Giấy phép khai thác được cấp và có phương án đầu tư mở rộng, nâng cao công suất; thực hiện khai thác các mỏ đá theo quy hoạch vật liệu xây dựng được phê duyệt.

- Đầu tư mới các dự án khai thác các mỏ đá xây dựng trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật, ưu tiên đầu tư mới các dự án khai thác đá xây dựng tại các địa phương có nhu cầu sử dụng lớn, tiềm năng lớn và đảm bảo các điều kiện về môi trường, cảnh quan.

- Khuyến khích đầu tư các cơ sở chế biến cốt liệu (thay thế đá xây dựng) xây dựng từ đá cát kết thạch anh, đá riolit, đá granit chất lượng thấp kết hợp đầu tư hoặc liên kết với cơ sở sản xuất cát nghiền, bê tông, gạch không nung nhằm tận dụng nguyên liệu, giảm thiểu phát thải.

- Đầu tư mới các dự án sản xuất đá xây dựng sử dụng, tận dụng, tái sử dụng sản phẩm thải bỏ trong công nghiệp; đá trong bãi thải của các mỏ khoáng sản; cuội sỏi tại các hồ thủy điện, sản phẩm thải của ngành xây dựng, giao thông để làm cốt liệu thay thế đá xây dựng tự nhiên.

- Xóa bỏ hoàn toàn các hoạt động khai thác không đúng giấy phép đã cấp làm thất thoát tài nguyên, ảnh hưởng đến môi trường.

- Bố trí quỹ đất dành cho xây dựng các hạng mục phụ trợ phục vụ khai thác các dự án mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng.

b) Về công nghệ

- Áp dụng công nghệ tiên tiến, bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên; sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, nhiên liệu và năng lượng; sử dụng các loại phế thải xây dựng, giao thông trong quá trình sản xuất đá xây dựng.

- Sử dụng dây chuyền công nghệ mới, đồng bộ, sản xuất các sản phẩm cát nghiền, đá xây dựng từ các nguồn nguyên liệu phi truyền thống (đất đá thải khai thác khoáng sản, phế thải công trình giao thông, xây dựng).

c) Về khai thác và sử dụng tài nguyên

- Hoạt động khai thác, chế biến đá xây dựng theo các giấy phép được cấp và tuân thủ các quy định pháp luật.

- Sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, nhiên liệu và năng lượng; sử dụng các loại phế thải công nghiệp, xây dựng, giao thông trong quá trình sản xuất đá xây dựng.

- Sử dụng các nguồn tài nguyên phi truyền thống để sản xuất cốt liệu thay thế đá xây dựng.

d) Về bảo vệ môi trường

- Các cơ sở sản xuất đá xây dựng đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo vệ môi trường; phải tiến hành cải tạo phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật trong khai thác, chế biến khoáng sản.

- Các cơ sở sản xuất đá xây dựng phải đầu tư hệ thống thiết bị giám sát phát tán bụi tự động xung quanh khu vực sản xuất theo quy định.

đ) Về sản phẩm

- Tăng cường sản xuất các sản phẩm đá xây dựng bảo đảm các yêu cầu của quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành đối với từng mục đích sử dụng, phục vụ nhu cầu xây dựng.

- Tăng cường sử dụng, tận dụng, tái sử dụng phế thải công nghiệp khai thác khoáng sản, xây dựng, giao thông làm cốt liệu, từng bước thay thế đá xây dựng tự nhiên.

- Đa dạng hóa sản phẩm đá xây dựng, kết hợp sản xuất cát nghiền nhân tạo từ các cơ sở sản xuất đá xây dựng, đảm bảo nguồn cung cho xây dựng giảm khai thác cát tự nhiên.

3.2. Định hướng giai đoạn 2031-2050

- Công nghệ sản xuất đá xây dựng phải hiện đại, tiên tiến, đồng bộ có mức độ cơ giới hoá cao và ứng dụng tối đa tự động hoá trong sản xuất.

- Các cơ sở khai thác, chế biến đá xây dựng phải có hệ thống quản lý sản lượng mỏ, quan trắc môi trường tự động.

4. Đá ốp lát

4.1. Đá ốp lát tự nhiên

4.1.1 Kế hoạch cụ thể cho giai đoạn 2021-2030

a) Về đầu tư

- Tăng cường đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, đa dạng hóa mẫu mã, nâng cao sản lượng, chất lượng sản phẩm, tiết kiệm nguyên liệu, đáp ứng đầy đủ các chỉ tiêu về công nghệ và môi trường.

- Tiếp tục triển khai cấp phép khai thác các mỏ đá theo quy hoạch đã được phê duyệt; Các đơn vị được cấp Giấy phép khai thác thực hiện khai thác theo công suất được cấp phép.

b) Về công nghệ

Sản xuất đá ốp lát với công nghệ tiên tiến, hiện đại, sử dụng công nghệ khoan, nôm tách, cắt dây kim cương và cưa đĩa trong khai thác đá, hạn chế tối đa nổ mìn; áp dụng các giải pháp sử dụng công nghệ thông tin vào quản lý và sản xuất; tiêu hao điện $\leq 0,6$ kWh/m² sản phẩm; Chỉ tiêu phát thải bụi không lớn hơn 30 mg/Nm³; hàm lượng các chất vô cơ không lớn hơn 100 mg/Nm³.

c) Về khai thác và sử dụng tài nguyên: Chuyên môn hóa từ khâu khai thác đến gia công chế biến sản phẩm.

d) Về bảo vệ môi trường: Các cơ sở sản xuất đá ốp lát tự nhiên phải có hệ thống thiết bị quan trắc nồng độ bụi.

đ) Về sản phẩm: Sản xuất đa dạng các chủng loại, mẫu mã sản phẩm, tận dụng tối đa tài nguyên khoáng sản.

4.1.2. Định hướng giai đoạn 2031-2050

Tiếp tục đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, cập nhật công nghệ tiên tiến của các nước có nền công nghiệp khai khoáng phát triển, đa dạng hóa mẫu mã, nâng cao sản lượng, chất lượng sản phẩm, tiết kiệm nguyên liệu, đáp ứng đầy đủ các chỉ tiêu về công nghệ và môi trường.

4.2. Đá ốp lát nhân tạo

4.2.1. Kế hoạch cụ thể cho giai đoạn 2021-2030

a) Về đầu tư: Đẩy mạnh đầu tư phát triển sản xuất với quy mô lớn gắn với bảo vệ môi trường.

b) Về công nghệ: Sử dụng công nghệ tiên tiến, tự động hóa, sử dụng hệ thống ép, hút chân không trong sản xuất; ứng dụng tối đa công nghệ thông tin.

c) Về khai thác và sử dụng tài nguyên: Phát triển các cơ sở gia công chế biến nguyên liệu trong nước; nghiên cứu sản xuất chất kết dính, phụ gia thay thế nguyên liệu nhập khẩu; tận thu phế thải từ khai thác chế biến đá ốp lát tự nhiên để làm nguyên liệu sản xuất.

d) Về bảo vệ môi trường: 100% các cơ sở sản xuất phải có hệ thống xử lý các chất thải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo vệ môi trường.

đ) Về sản phẩm: Chú trọng phát triển các sản phẩm có giá trị kinh tế cao để phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu.

4.2.2. Định hướng giai đoạn 2031-2050

- Đầu tư chiều sâu về công nghệ sản xuất, áp dụng triệt để công nghệ thông tin vào công tác quản lý, sản xuất và kinh doanh.

- Đầu tư phát triển sản xuất các loại đá ốp lát nhân tạo có tính năng và thẩm mỹ vượt trội, đa dạng về mẫu mã thay thế đá ốp lát tự nhiên.

5. Cát xây dựng

5.1. Kế hoạch cụ thể cho giai đoạn 2021-2030

a) Về đầu tư

- Khai thác cát phải đảm bảo công suất thiết kế theo Giấy phép khai thác được cấp.

- Xem xét, đầu tư mới các dự án khai thác các mỏ cát trên địa bàn tỉnh theo quy hoạch và theo quy định của pháp luật có liên quan. Khai thác tận dụng cát tại các dự án thủy điện để làm vật liệu xây dựng.

- Đầu tư, phát triển các cơ sở khai thác, chế biến cát nhân tạo nhằm đáp ứng đủ nhu cầu cát xây dựng trong tỉnh.

- Khuyến khích đầu tư nghiên cứu, chuyển giao công nghệ sản xuất cát nghiền từ đá tại các bãi thải mỏ khoáng sản thành cát đủ tiêu chuẩn sử dụng cho bê tông và vữa xây, trát.

- Khuyến khích một số cơ sở sản xuất đá xây dựng đầu tư đổi mới công nghệ sản xuất cát nghiền đi kèm; sản xuất cát nghiền từ đá thải mỏ, phù hợp với nguồn nguyên liệu hiện có và nhu cầu cát, đá xây dựng đi kèm.

- Khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất cát nghiền nhân tạo đầu tư dây chuyền sản xuất vữa khô xây, trát đóng bao, cung cấp cho thị trường xây dựng trong tỉnh để tăng tốc độ thi công, giảm chi phí xây dựng, bảo vệ môi trường xung quanh công trình xây dựng.

- Bố trí quỹ đất dành cho xây dựng các hạng mục phụ trợ phục vụ khai thác các dự án mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng.

b) Về công nghệ

- Đối với khai thác cát tự nhiên: Sử dụng công nghệ khai thác tiên tiến kết hợp với tuyển rửa loại bỏ tạp chất để nâng cao chất lượng cát; phế thải sinh ra trong quá trình xử lý phải được thu gom, lưu chứa đúng kỹ thuật hoặc tái sử dụng.

- Đối với cát nghiền: Sử dụng dây chuyền công nghệ tiên tiến, đồng bộ (bao gồm các thiết bị gia công, chế biến, sàng, tuyển, vận chuyển và các thiết bị xử lý môi trường); Sản xuất đồng thời các sản phẩm đá xây dựng, gạch không nung để tiết kiệm tài nguyên.

c) Về khai thác và sử dụng tài nguyên

- Sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, nhiên liệu và năng lượng; sử dụng các loại phế thải công nghiệp, xây dựng để sản xuất cát xây dựng.

- Không sử dụng cát sông đạt tiêu chuẩn cát xây dựng làm vật liệu san lấp.

- Sử dụng tối đa nguyên liệu phi truyền thống để sản xuất cát nghiền.

d) Về bảo vệ môi trường

Các cơ sở sản xuất cát xây dựng phải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo vệ môi trường; phải tiến hành cải tạo phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật trong khai thác, chế biến khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng.

đ) Về sản phẩm

Tăng cường phát triển các sản phẩm cát nhân tạo đáp ứng nhu cầu sử dụng; phấn đấu đạt mục tiêu sử dụng cát nghiền, cát tái chế từ phế thải công nghiệp và xây dựng để thay thế tối thiểu 40% lượng dùng cát thiên nhiên trong xây dựng.

5.2. Định hướng giai đoạn 2031-2050

Nghiên cứu, ứng dụng, sử dụng vật liệu thay thế cát tự nhiên trong hoạt động xây dựng.

6. Bê tông

6.1. Kế hoạch cụ thể cho giai đoạn 2021-2030

a) Về đầu tư

- Phát huy công suất của các trạm trộn bê tông thương phẩm, thay thế bê tông thủ công, đơn giản, phân tán, không đảm bảo chất lượng và gây ô nhiễm môi trường.

- Xem xét, phát triển các trạm trộn bê tông thương phẩm đáp ứng nhu cầu sử dụng trên địa bàn các huyện, thành phố, thị xã trong tỉnh. Dự kiến mỗi huyện có thể đầu tư tối thiểu 01 trạm trộn bê tông.

- Đẩy mạnh đầu tư các nhà máy sản xuất cấu kiện bê tông các loại (bê tông nhẹ; bê tông cường độ cao, tính năng cao, bê tông xuyên nước chống ngập úng, giảm tiếng ồn cho các đô thị...) để phục vụ nhu cầu trong và ngoài tỉnh.

b) Về công nghệ

- Hiện đại hóa công nghệ sản xuất, ưu tiên phát triển công nghệ theo hướng sản xuất xanh, sạch, tiết kiệm nguyên liệu và năng lượng, kết hợp với nâng cao chất lượng và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- Loại bỏ các dây chuyền hiện có đang sử dụng công nghệ lạc hậu gây ô nhiễm môi trường và giảm thiểu tối đa các loại bê tông trộn thủ công.

- Áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, đa dạng hóa chủng loại sản phẩm.

c) Về khai thác và sử dụng tài nguyên

Sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, nhiên liệu và năng lượng; sử dụng các loại chất thải công nghiệp, xây dựng, giao thông,... và các loại cốt liệu nhân tạo, tái chế, các loại xi măng hàm lượng clinker thấp để sản xuất bê tông.

d) Về bảo vệ môi trường

Các cơ sở sản xuất bê tông phải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo vệ môi trường, phải có hệ thống thiết bị giám sát, quan trắc tự động bụi và nước thải theo quy định.

đ) Về sản phẩm

- Phát triển và áp dụng rộng rãi các loại bê tông cường độ cao trên 100MPa; các sản phẩm cấu kiện bê tông tiền chế, lắp ghép theo mô-đun, bản mỏng, tiết diện nhỏ; bê tông chịu nhiệt; bê tông thích ứng với biến đổi khí hậu; bê tông in 3D.

- Ứng dụng các loại phụ gia khoáng, phụ gia hóa học để tối ưu hóa chất lượng bê tông nhằm thích ứng với điều kiện khí hậu vùng và đạt độ bền lâu dài.

6.2. Định hướng giai đoạn 2031-2050

- Nâng cao mức độ tự động hóa, hiện đại hóa, áp dụng tối đa công nghệ thông tin trong quản lý và sản xuất bê tông.

- Sử dụng các cốt liệu từ nguyên liệu tái chế, phế thải để thay thế đến 60% nguyên liệu thiên nhiên; phát triển các loại phụ gia khoáng và phụ gia hóa học để đưa vào làm thành phần bắt buộc trong sản xuất bê tông nhằm nâng cao chất lượng các sản phẩm bê tông.

- Phát triển các nhà máy sản xuất cấu kiện bê tông tiền chế, phát triển các cấu kiện bê tông tiền chế, lắp ghép theo mô-đun và các trạm trộn bê tông thương phẩm chất lượng cao. Giảm tỷ lệ bê tông trộn thủ công xuống dưới 25% tổng sản lượng bê tông.

7. Nguyên liệu sét, kaolin - fenspat

7.1. Kế hoạch cụ thể cho giai đoạn 2021-2030

a) Về đầu tư

- Duy trì công suất khai thác của các mỏ trên địa bàn tỉnh theo các giấy phép được cấp. Xem xét, đầu tư khai thác một số mỏ tại một số huyện có tiềm năng về nguồn nguyên liệu.

- Tăng cường đầu tư, phát triển các cơ sở khai thác, chế biến nguyên liệu sét, kaolin-fenspat nhằm đáp ứng đủ nhu cầu nguyên liệu trong tỉnh, ngoài tỉnh trên cơ sở tiềm năng và trữ lượng hiện có.

- Khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất nguyên liệu sét, kaolin-fenspat chất lượng cao đầu tư dây chuyền sản xuất gạch ốp lát để tăng giá trị nguồn nguyên liệu của địa phương.

b) Về công nghệ

- Sử dụng công nghệ khai thác tiên tiến kết hợp với tuyển rửa loại bỏ các tạp chất để nâng cao chất lượng nguyên liệu sét, kaolin - fenspat; phế thải sinh ra trong quá trình xử lý phải được thu gom, lưu chứa đúng kỹ thuật hoặc tái sử dụng;

- Sử dụng dây chuyền công nghệ tiên tiến, đồng bộ (bao gồm các thiết bị gia công, chế biến, sàng, tuyển, vận chuyển và các thiết bị xử lý môi trường); Sản xuất đồng thời nguyên liệu sét, kaolin - fenspat chất lượng cao với sản xuất vật liệu gạch cotton, gạch ceramic để tiết kiệm tài nguyên.

c) Về khai thác và sử dụng tài nguyên

Sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, nhiên liệu và năng lượng; Không sử dụng sét đạt tiêu chuẩn kỹ thuật làm gốm sứ để sản xuất gạch xây nung.

d) Về bảo vệ môi trường

Các cơ sở sản xuất phải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo vệ môi trường; phải tiến hành cải tạo phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật trong khai thác, chế biến khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng.

đ) Về sản phẩm

Tăng cường phát triển các sản phẩm chất lượng cao đáp ứng nhu cầu sử dụng trong và ngoài tỉnh.

7.2. Định hướng giai đoạn 2031-2050

- Từng bước nghiên cứu, ứng dụng, giảm thiểu sử dụng lượng nguyên liệu sét, kaolin-fenspat hoặc sử dụng nguyên liệu thay thế trong sản xuất vật liệu xây dựng.

- Hạn chế tối đa xuất khẩu nguyên liệu sét, kaolin-fenspat.

8. Vật liệu san lấp

8.1. Kế hoạch phát triển thời kỳ 2021-2030

- Nghiên cứu các địa điểm, khu vực thăm dò, khai thác, sử dụng vật liệu san lấp phải gắn với nhu cầu cụ thể của từng dự án ở từng địa phương.

- Không khai thác vật liệu san lấp tại các vị trí gần khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, du lịch, tác động xấu đến cảnh quan và môi trường.

- Không cấp phép khai thác các mỏ đất san lấp tại những vị trí sát đường giao thông, quốc lộ, các vị trí xung yếu nguy hiểm, dễ gây sạt lở đất, ảnh hưởng đến cảnh quan môi trường.

- Sử dụng các chất thải công nghiệp, chất thải xây dựng, giao thông đạt tiêu chuẩn làm vật liệu san lấp.

- Ưu tiên khai thác, sử dụng các khu vực đất đồi, đất hoang hóa, bãi thải khai thác khoáng sản, chất thải công nghiệp,... để làm vật liệu san lấp mặt bằng; sau khi kết thúc khai thác đảm bảo sử dụng thuận lợi cho các mục đích khác phục vụ phát triển kinh tế địa phương.

- Khuyến khích sử dụng các loại phế thải công nghiệp, xây dựng, tro, xỉ nhà máy hóa chất, đất đá thải từ các mỏ khai thác khoáng sản để phục vụ san lấp, từng bước hạn chế sử dụng đất đồi làm vật liệu san lấp.

- Hạn chế việc khai thác đất đồi; khuyến khích việc sử dụng các loại phế thải công nghiệp, xây dựng, tro xỉ, luyện cán thép, hóa chất..., đất đá thải tại các mỏ khai thác khoáng sản để phục vụ san lấp.

- Tăng cường sử dụng sản phẩm nạo vét công trình thủy lợi, thủy điện sản phẩm dư thừa khi san gạt mặt bằng các dự án trên địa bàn tỉnh để làm vật liệu san lấp.

- Các chỉ tiêu kế hoạch:

+ Quy mô công suất: khai các mỏ vật liệu san lấp, đất đá thải mỏ trên địa bàn theo kế hoạch, giấy phép khai thác đã cấp.

+ Chỉ tiêu môi trường: Khai thác đất, cát san lấp, đất đá thải mỏ phải tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường đặc biệt trong giai đoạn vận chuyển vật liệu đến mặt bằng san lấp và hoàn trả mặt bằng khi kết thúc khai thác, bảo đảm giữ gìn hạ tầng kỹ thuật, giao thông từ nơi khai thác đến nơi san lấp.

8.2. Định hướng giai đoạn 2031-2050

Sử dụng vật liệu thải bỏ của các ngành công nghiệp, khai thác khoáng sản, vật liệu thải bỏ của ngành giao thông, xây dựng, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng, vật liệu nạo vét công trình thủy lợi, thủy điện nhằm thay thế vật liệu san lấp truyền thống.

9. Một số chủng loại vật liệu xây dựng khác

Một số chủng loại sản phẩm vật liệu xây dựng khác đang được sử dụng nhiều trong xây dựng công nghiệp và dân dụng trên địa bàn tỉnh: vật liệu hợp kim nhôm; vật liệu nhựa chất lượng cao; tấm thạch cao; tấm sàn sử dụng vật liệu nhẹ; tấm sàn và tấm tường lắp ghép; các loại vật liệu xây dựng tính năng cao, thân thiện với môi trường có khả năng cách âm, cách nhiệt khác đang được tình quan tâm đầu tư sản xuất trong giai đoạn tới. Cụ thể như sau:

- Phát triển sản xuất các loại vật liệu hợp kim nhôm phẳng hoặc cong, có trọng lượng nhẹ, độ cứng cao, mẫu mã đẹp, bền với môi trường, dùng để ốp trong và ngoài công trình. Đầu tư gia công sản xuất tấm trần bằng nhôm có màu sắc phong phú, đa dạng về mẫu mã, kiểu dáng, nhẹ và có độ bền cao, thuận tiện cho thi công.

- Phát triển sản xuất vật liệu nhựa, gỗ nhựa composite: Tấm nhựa lấy ánh sáng tự nhiên cho các công trình xây dựng hiện đại; Cửa nhựa lõi thép chất lượng cao, đa dạng về kiểu dáng, màu sắc, có khả năng cách âm, cách nhiệt, không bị biến đổi hình dạng, không cong vênh, co ngót trong điều kiện thời tiết khí hậu khắc nghiệt.

- Phát triển sản xuất tấm thạch cao: Tấm trần và tấm tường thạch cao đa dạng về chủng loại, có thể tạo nhiều kiểu hoa văn đẹp có tính mỹ thuật cao, có khả năng cách âm, cách nhiệt, chống ẩm và chống cháy.

- Đầu tư sản xuất sàn epoxy giả đá, sàn bằng tấm hợp kim nhôm polyvinil clorua lát trực tiếp trên mặt xi măng; sàn có khả năng chịu tải, chống mài mòn cao, chống tĩnh điện, chống trượt, chống ồn, trọng lượng nhẹ.

- Đầu tư sản xuất các loại sàn nâng (sàn lắp ghép) phục vụ cho công trình văn phòng và nhà công nghiệp. Đây là loại sàn rất thuận lợi cho việc lắp đặt, sửa chữa thay thế hệ thống đường điện, đường nước, đường khí nóng trong các công trình xây dựng.

- Xem xét, đầu tư sản xuất một số chủng loại vật liệu xây dựng có tiềm năng về nguồn nguyên liệu, đáp ứng nhu cầu sử dụng trên địa bàn tỉnh như vữa khô trộn sẵn, gạch gốm ốp lát và đá ốp lát, cáp điện và dây điện, các loại vật liệu truyền thống thân thiện môi trường.

Ngoài các chủng loại sản phẩm vật liệu xây dựng đã nêu ở trên, một số chủng loại vật liệu xây dựng không thể thiếu trong xây dựng như: vật liệu lọc; sứ vệ sinh; kính xây dựng, các loại phụ gia bê tông, phụ gia chống thấm, thảm trải sàn, sơn, bả matit các sản phẩm vật liệu xây dựng khác chưa được đầu tư sản xuất trên địa bàn tỉnh. Khả năng cung ứng các sản phẩm này từ các tỉnh ngoài vào Yên Bái rất thuận tiện, dễ dàng, việc đầu tư sản xuất các loại vật liệu này cần xem xét khi có nhu cầu đầu tư và đáp ứng đủ các điều kiện cần thiết.

III. GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các giải pháp thực hiện

1.1. Hoàn thiện thể chế, chính sách

- Phổ biến rộng rãi Kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng của tỉnh cho các ngành, các cấp chính quyền, các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh biết và thực hiện.

- Phân cấp rõ ràng để tăng cường hiệu lực quản lý hoạt động sản xuất, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng, đặc biệt là đối với một số lĩnh vực chất thải công nghiệp, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng.

- Xây dựng cơ chế chính sách, sửa đổi các văn bản pháp luật khuyến khích nâng cấp, chuyển đổi công nghệ mới để tăng năng suất, chất lượng; sử dụng tiết kiệm tài nguyên, năng lượng; nâng cao tỷ lệ sử dụng nguyên liệu phi truyền thống; giảm lượng phát thải để bảo vệ môi trường. Có lộ trình hạn chế, tiến tới dừng hoạt động các cơ sở sản xuất công nghệ lạc hậu, không hiệu quả kinh tế, gây ô nhiễm môi trường.

- Tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực vật liệu xây dựng, chính sách ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư sản xuất và sử dụng vật liệu xây dựng xanh, thân thiện môi trường.

- Có chính sách khuyến khích, ưu đãi, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư vào phát triển vật liệu xây dựng, đầu tư mới, đầu tư đổi mới công nghệ sản xuất. Đặc biệt ưu tiên cho các sản phẩm có hàm lượng khoa học kỹ thuật cao, các sản phẩm mới có giá trị kinh tế cao; Khuyến khích ưu đãi đầu tư nước ngoài và

trong nước áp dụng, chuyển giao công nghệ hiện đại và đổi mới công nghệ, tạo ra sản phẩm vật liệu xây dựng mới có chất lượng, giá trị cao trên địa bàn tỉnh.

1.2. Khai thác tài nguyên khoáng sản hiệu quả, tiết kiệm

- Tổ chức thực hiện phương án bảo vệ, thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng tài nguyên khoáng sản thuộc nội dung quy hoạch tỉnh và các quyết định đã được phê duyệt.

- Nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên khoáng sản; Sử dụng tiết kiệm nguyên liệu trong sản xuất vật liệu xây dựng; Hoàn nguyên môi trường các khu mỏ khoáng sản khi kết thúc khai thác theo quy định hiện hành.

- Hình thành một số khu vực khai thác, chế biến nguyên liệu tập trung nhằm cung cấp ổn định về khối lượng, chất lượng khoáng sản cho sản xuất vật liệu xây dựng trong tỉnh và các vùng phụ cận, đảm bảo nguồn cung cho xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội.

- Sử dụng tro xỉ nhà máy hóa chất, chất thải công nghiệp làm nguồn nguyên liệu, nhiên liệu, thay thế cho một phần nguyên liệu chính trong sản xuất vật liệu xây dựng tạo thành nguồn cung cấp nguyên liệu ổn định, bền vững cho phát triển sản xuất vật liệu xây dựng tại địa phương.

1.3. Giải pháp về khoa học, công nghệ

- Khuyến khích, nghiên cứu, ứng dụng công nghệ khai thác khoáng sản tiên tiến, an toàn, hiệu quả, giảm thiểu các yếu tố ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường; tổ chức thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng có tính đến biến đổi khí hậu.

- Khuyến khích, nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, công nghệ mới, sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu thay thế nâng cao năng suất chất lượng giảm giá thành sản phẩm, phù hợp với công nghệ thi công xây dựng hiện đại, giảm giá thành công trình xây dựng.

- Khuyến khích, nghiên cứu, chế tạo thiết bị cơ khí, sản xuất thiết bị, phụ tùng thay thế, nâng cao tỉ lệ nội địa hóa, tăng cường ứng dụng cơ giới hóa, tự động hóa trong sản xuất vật liệu xây dựng.

- Khuyến khích doanh nghiệp tham gia hội nghị, hội thảo khoa học công nghệ quốc tế, hợp tác nghiên cứu khoa học; tham gia các tổ chức về tiêu chuẩn, đo lường, các hiệp hội vật liệu xây dựng để học hỏi, trao đổi các tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất các vật liệu xây dựng mới.

- Liên kết với các Viện nghiên cứu về vật liệu xây dựng, các trung tâm tư vấn đầu tư phát triển vật liệu xây dựng ở trong nước và Quốc tế, nghiên cứu ứng dụng các loại công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng mới.

1.4. Giải pháp về thị trường

Tăng cường mở rộng thị trường trong tỉnh, ngoài tỉnh và từng bước xuất khẩu hiệu quả. Giao thương cung ứng hàng hoá vật liệu xây dựng với nhiều tỉnh trong vùng, các chủng loại vật liệu xây dựng mà tỉnh chưa sản xuất được hoặc đã

sản xuất được nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu về khối lượng cũng như chất lượng, gồm: xi măng, kính xây dựng, sứ vệ sinh, gạch ốp lát, đá ốp lát, các sản phẩm vật liệu xây dựng hữu cơ, ...

Đối với thị trường trong tỉnh cần quan tâm đến các dự án xây dựng khu đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp tập trung tại các địa phương: thành phố Yên Bái, thị xã Nghĩa Lộ và trung tâm các huyện lỵ. Đồng thời quan tâm đến các vùng nông thôn của các huyện, đặc biệt là địa bàn miền núi, một mặt đẩy mạnh sản xuất vật liệu xây dựng tại chỗ đối với các sản phẩm vật liệu xây dựng thông dụng, mặt khác tổ chức tốt việc cung ứng các sản phẩm vật liệu xây dựng mà các vùng này chưa sản xuất được để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nhân dân.

Nâng cao chất lượng và đa dạng hóa mẫu mã, chủng loại sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường của tỉnh và các tỉnh lân cận trong nước. Tiếp thị, mở các văn phòng đại diện, các đại lý bán hàng ở các khu vực thị trường lớn và thị trường lân cận, tích cực tham gia các hội chợ triển lãm để thông tin, quảng cáo các sản phẩm vật liệu xây dựng của địa phương.

1.5. Giải pháp về nguồn lực lao động

- Tập trung vào đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật, ngoại ngữ, quản lý kinh tế, marketing, pháp luật, hội nhập quốc tế, xuất nhập khẩu cho đội ngũ quản lý và chủ doanh nghiệp, để các nắm bắt thời cơ, chủ động cạnh tranh và hội nhập thị trường trong nước và quốc tế.

- Đa dạng hoá hình thức hợp tác đào tạo theo hướng gắn kết giữa các trường đại học, cao đẳng với các doanh nghiệp để đào tạo lý thuyết và thực hành tại nhà máy sản xuất tiếp cận tiến bộ khoa học công nghệ ngay từ khi đào tạo...

- Song song với việc đào tạo, sử dụng lao động các doanh nghiệp cần có các chính sách tiền lương, đãi ngộ tốt với người lao động, để thu hút, tuyển dụng các nhân sự chất lượng cao về làm việc tại địa phương. Phân công công tác, sắp xếp lao động phù hợp với trình độ chuyên môn, tạo điều kiện để người lao động phát huy năng lực và gắn bó lâu dài với công việc.

1.6. Giải pháp về nguồn vốn đầu tư cho phát triển sản xuất vật liệu xây dựng

- Đối với huy động vốn đầu tư nước ngoài: Chuẩn bị danh mục các dự án kêu gọi đầu tư, hướng dẫn cụ thể về thủ tục đầu tư, địa điểm, hạ tầng cơ sở, khả năng cung ứng nguyên, nhiên liệu, tiện ích giao thông, chính sách ưu đãi đầu tư và kèm theo yêu cầu chuyển giao công nghệ mới, sản phẩm vật liệu xây dựng mới.

- Đối với huy động vốn đầu tư trong nước: Định hướng đầu tư xây dựng trong các khu công nghiệp và sản xuất các chủng loại vật liệu xây dựng có giá trị kinh tế cao như: vật liệu lọc thông minh, tấm ốp nhôm, ván sàn, cửa nhựa, vật liệu composite, vữa khô phục vụ xây, trát đã đóng bao.

1.7. Bảo vệ môi trường trong sản xuất

- Tăng cường phổ biến rộng rãi các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường;

- Định hướng và kiểm soát chặt chẽ về đầu tư công nghệ sản xuất tiên tiến, hiện đại và bố trí vào các khu công nghiệp tập trung để có phương án xử lý ô nhiễm về bụi, tiếng ồn và chất thải.

- Thực hiện giám sát công tác bảo vệ môi trường tại các cơ sở khai thác khoáng sản, chế biến nguyên liệu, các nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng theo đúng quy định; tiến tới áp dụng các phương pháp giám sát hiện đại, tự động, kết nối trực tuyến với cơ quan chức năng quản lý môi trường.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện các cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường và an toàn lao động của các cơ sở khai thác nguyên liệu và sản xuất vật liệu xây dựng. Xử lý nghiêm các cơ sở sản xuất không thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Tổ chức thực hiện

2.1. Sở Xây dựng

- Tổ chức công bố Kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, để các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh căn cứ thực hiện.

- Hướng dẫn, tạo điều kiện các đơn vị tham gia đầu tư sản xuất vật liệu xây dựng chấp hành theo quy định pháp luật về đầu tư, xây dựng, tuân thủ theo Kế hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu các giải pháp khoa học về sử dụng các nguồn nguyên liệu phi truyền thống trong sản xuất vật liệu xây dựng, phát triển các loại vật liệu xây dựng mới phù hợp với nguồn phát thải công nghiệp thực tế và công nghệ thi công xây dựng hiện đại bảo đảm năng suất, chất lượng, thân thiện với môi trường.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức kiểm tra, kiểm định xử lý và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản yêu cầu Doanh nghiệp có lộ trình thay đổi công nghệ lạc hậu hoặc chấm dứt hoạt động đối với các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng có công nghệ lạc hậu, tiêu tốn nguyên, nhiên liệu, hiệu quả kinh tế thấp, gây ô nhiễm môi trường.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương tuyên truyền áp dụng các thành tựu đổi mới khoa học công nghệ, nâng cấp các dây chuyền công nghệ theo hướng hiện đại, chất lượng sản phẩm tốt, nâng cao ý thức, kỹ năng sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

- Kiểm tra chất lượng sản phẩm hàng hóa vật liệu xây dựng được sản xuất, nhập khẩu, lưu thông và đưa vào sử dụng trong các công trình xây dựng trong địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

- Định kỳ hoặc đột xuất (theo yêu cầu) báo cáo Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức rà soát nếu có phát sinh cần tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh bổ sung Kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng cho phù hợp với thực tế phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2.2. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cấp giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng, các thủ tục về đất đai, môi trường theo quy định đảm bảo nguồn cung nguyên liệu cho sản xuất vật liệu xây dựng, vật liệu san lấp.

- Kiểm soát chặt chẽ công tác xây dựng phương án cải tạo phục hồi môi trường kết thúc khai thác mỏ theo quy định. Chủ trì kiểm tra, nghiệm thu công tác phục hồi môi trường và bàn giao cho địa phương quản lý theo quy định.

- Phối hợp, cung cấp, trao đổi thông tin với Sở Xây dựng về việc cấp phép mới, gia hạn, thu hồi, chuyển nhượng các mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng, vật liệu san lấp, đề cân đối cung cầu, đảm bảo nguồn cung nguyên liệu cho các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng, nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước.

- Đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh đầu tư mới hoặc nâng cấp hệ thống trung tâm kết nối, quản lý, giám sát môi trường tự động từ các doanh nghiệp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn, quản lý và có chế tài xử lý khi vi phạm.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị liên quan, tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường, lĩnh vực quản lý ngành được phân cấp và xử lý vi phạm theo quy định.

2.3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các sở, ngành có liên quan, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư mới và điều chỉnh các dự án đầu tư phát triển vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh theo quy định, phù hợp với Kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành nghiên cứu, xây dựng chính sách ưu đãi dự án đầu tư công nghệ mới, sản xuất sản phẩm vật liệu xây dựng mới, các cơ sở sản xuất gạch không nung, thân thiện với môi trường nhằm thu hút các nguồn lực kinh tế và khoa học công nghệ của các tổ chức nước ngoài.

- Phối hợp, cung cấp thông tin với Sở Xây dựng về các doanh nghiệp cấp mới, điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các doanh nghiệp xin giải thể, dừng hoạt động,... trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng để Sở Xây dựng nắm bắt kịp thời, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh

điều chỉnh bổ sung Kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng cho phù hợp với thực tiễn, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về lĩnh vực vật liệu xây dựng.

2.4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh những nội dung liên quan đến chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, thu hồi rừng, trồng rừng thay thế, dịch vụ môi trường rừng đối với các tổ chức thực hiện các dự án sản xuất vật liệu xây dựng theo thẩm quyền.

2.5. Sở Công Thương

- Chủ trì, tổ chức hướng dẫn, kiểm tra công tác quản lý, cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và công tác an toàn lao động cho các doanh nghiệp khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện các quy định về an toàn, khai thác mỏ đúng theo thiết kế bảo đảm an toàn lao động và tiết kiệm tài nguyên khoáng sản.

- Tổ chức quảng bá, xúc tiến thương mại trong và ngoài tỉnh tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm vật liệu xây dựng của tỉnh.

- Khuyến khích, hỗ trợ chuyển đổi công nghệ lạc hậu, ô nhiễm môi trường sang công nghệ tiên tiến, hiện đại, tiết kiệm nguyên liệu, năng lượng cho các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng.

- Phối hợp với các sở, ngành, địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc quản lý chất thải công nghiệp như tro, xỉ, thạch cao, bùn thải của các nhà máy sản xuất công nghiệp, đất đá thải của ngành khai thác khoáng sản để sử dụng, tái sử dụng làm vật liệu xây dựng.

2.6. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương tổ chức thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học công nghệ về sản xuất vật liệu xây dựng; ưu tiên các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin; sử dụng dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, internet kết nối vạn vật vào quy trình quản lý, sản xuất; tái chế, tận dụng các loại chất thải trong sản xuất vật liệu xây dựng, tiết kiệm tài nguyên, nhiên liệu, năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính và các giải pháp khoa học công nghệ về bảo vệ môi trường;

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn vốn khoa học thuộc ngân sách Nhà nước cho việc nghiên cứu, thiết kế, chế tạo những thiết bị mới, thiết bị phụ trợ, phụ tùng thay thế thuộc lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng; hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, sản xuất các loại vật liệu xây dựng sử dụng nguyên liệu thay thế, vật liệu mới có tính năng cao, thân thiện với môi trường.

- Hướng dẫn chuyển giao công nghệ, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, các loại công nghệ mới bằng văn bản và trên các website của tỉnh, phổ biến rộng rãi đến chủ đầu tư, doanh nghiệp và người sử dụng vật liệu xây dựng.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương và các đơn vị liên quan thẩm định dây chuyền công nghệ, phương án đầu tư mới, nâng cấp, cải tạo công nghệ. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản có lộ trình cải tạo công nghệ hoặc dừng hoạt động của các doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng có công nghệ lạc hậu, hiệu quả kinh tế kém, ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh.

2.7. Sở Giao thông vận tải

Chủ trì việc thanh tra, kiểm tra hoạt động các bến bãi, bến thủy nội địa của tỉnh có tập kết các loại sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng; xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý vi phạm theo quy định.

2.8. Các sở, ban, ngành khác của tỉnh

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, phối hợp với Sở Xây dựng tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng được duyệt.

2.9. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện quản lý các cơ sở sản xuất, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng trong công tác bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường sinh thái và an toàn lao động.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm tra, giám sát các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng theo quy định.

- Giải quyết theo thẩm quyền thủ tục đền bù, giải phóng mặt bằng cho thuê đất, giao đất cho tổ chức cá nhân đầu tư sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng tại địa phương.

- Có trách nhiệm quản lý hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng trên địa bàn. Định kỳ 6 tháng hoặc đột xuất (theo yêu cầu), gửi báo cáo về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2.10. Các nhà đầu tư và các doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng

- Thường xuyên nâng cao năng lực cạnh tranh; nghiên cứu áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, tiết kiệm năng lượng, sử dụng tối đa phế thải công nghiệp, chất thải đô thị và nông thôn trong sản xuất vật liệu xây dựng để phát triển ngành theo hướng hiệu quả, bền vững, thân thiện môi trường.

- Đầu tư công nghệ sản xuất tiên tiến, hiện đại, mức độ tự động hoá cao. Từng bước áp dụng công nghệ thông tin và các giải pháp công nghệ của cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào quy trình sản xuất và hệ thống quản lý.

- Chú trọng công tác đào tạo nghề cho người lao động, có chính sách đãi ngộ tốt để thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao, ưu tiên sử dụng lao động tại địa phương.

- Tăng cường công tác an toàn lao động, bảo vệ môi trường trong sản xuất. Đầu tư hệ thống thiết bị xử lý chất thải, hệ thống giám sát, quan trắc môi trường tự động kết nối với cơ quan quản lý nhà nước theo quy định.

- Định kỳ 6 tháng hoặc đột xuất (theo yêu cầu), báo cáo bằng văn bản tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị về Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân cấp huyện để thực hiện chức năng quản lý nhà nước tại địa phương./.